

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 1466/2020/HC-ST

Ngày: 14-9-2020

V/v Khiếu kiện quyết định hành  
chính.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Bảo Nguyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Nhung

2. Ông Nguyễn Văn Long

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thái Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia  
phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Lâm– Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 8, 09 và 14 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xử án của  
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án  
hành chính thụ lý số 397/HCST ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc “Khiếu kiện  
quyết định hành chính”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3855/2020/QĐXXST-HC ngày  
30/7/2020, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Công ty TNHH K.

Địa chỉ: 82, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH K:*

Ông Trần X

Địa chỉ: 541/3, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Người bị kiện:**

Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 08 phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M:*

Ông Đào Mộng L – Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 63, phường P, Quận H, TP.HCM.

*Người đại diện theo ủy quyền của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh:*

Ông Lê Hữu C – Kiểm tra viên.

(Người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt đầy đủ)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện án hành chính ghi ngày 06/01/2010 và 02/5/2012 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH K là ông Trần X trình bày:***

Công ty TNHH K (gọi tắt là Công ty K) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 14/7/2009, Chi cục thuế (viết tắt CCT) Quận M ban hành Quyết định kiểm tra Thuế năm 2008 tại Công ty K, ngày 01/9/2009, Đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra thuế, ngày 03/9/2009, CCT Quận M ban hành Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế số 3381/QĐ-CCT-KT2 (viết tắt là Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2). Theo Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2, CCT Quận M đã xử phạt và truy thu đối với Công ty K như sau:

-Phạt 10% thuế Giá trị gia tăng (viết tắt GTGT) khai sai là 31.462.677 đồng;

-Phạt chậm nộp thuế GTGT là 21.079.994 đồng;

-Truy thu thuế GTGT năm 2008 là 314.626.769 đồng.

Tổng cộng là 367.169.440 đồng.

Lý do phạt và truy thu thuế là do Công ty K đã có hành vi vi phạm pháp luật về thuế (kê khai tính thuế hoạt động chế tác nữ trang không đúng quy định, vi phạm Điều 9 Luật Thuế Giá trị gia tăng).

Ngày 11/9/2009 Công ty K đã có văn bản khiếu nại Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2.

Ngày 16/10/2009, CCT Quận M ban hành Quyết định số 3902/QĐ-CCT-KT2 về việc điều chỉnh quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế (viết tắt là Quyết định số 3902/QĐ-CCT-KT2).

Ngày 19/10/2009, Chi cục thuế Quận M ban hành Quyết định số 3928/QĐ-CCT-KNNB về việc giải quyết khiếu nại, quyết định có nội dung không chấp nhận khiếu nại của Công ty K (viết tắt là Quyết định số 3928/QĐ-CCT-KNNB).

Không đồng ý với Quyết định số 3928/QĐ-CCT-KNNB, Công ty K tiếp tục khiếu nại đến Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24/12/2009, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 279/QĐ-CT (viết tắt là Quyết định số 279/QĐ-CT). Quyết định này có nội dung giữ nguyên Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2 và Quyết định số 3928/QĐ-CCT-KNNB.

Công ty K khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2 vì các lý do sau:

-Theo khoản 1 Điều 2 Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 09/12/2009 “Về việc quản lý hoạt động kinh doanh vàng” của Chính phủ (viết tắt là Nghị định số 174/1999/NĐ-CP) đã quy định: Hoạt động kinh doanh vàng là *“hoạt động sản xuất, gia công các sản phẩm bằng vàng; mua bán; xuất nhập khẩu vàng theo quy định”*.

-Theo điểm 2.1c Mục III Phần B Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 về “Hướng dẫn thi hành nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003, Nghị định số 148/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 và Nghị định số 156/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế Giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng” (viết tắt Thông tư số 32/2007/TT-BTC) đã quy định cơ sở kinh doanh, mua bán vàng bạc, đá quý, ngoại tệ thì áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT.

Như vậy, hoạt động mua bán vàng, gia công vàng của Công ty K là thuộc trường hợp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT.

***Chi cục trưởng Chi cục thuế Quận M có ông Đào Mộng L đại diện trình bày:***

CCT Quận M xác nhận về quyết định kiểm tra thuế, thời điểm kiểm tra, Biên bản kiểm tra thuế và việc ban hành các Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2, 3902/QĐ-CCT-KT2 và 3928/QĐ-CCT-KTNB đúng như phía Công ty K đã trình bày.

Qua yêu cầu khởi kiện của Công ty K về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2, Chi cục trưởng CCT Quận M không đồng ý với các lý do sau:

Tại điểm b khoản 2 Điều 9 Luật Thuế GTGT năm 1997, điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 về “Hướng dẫn Luật thuế Giá trị gia tăng và Luật Thuế Giá trị gia tăng sửa đổi” của Chính phủ (viết tắt là Nghị định số 158/2003/NĐ-CP) thì đối tượng áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp trên GTGT là cơ sở kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

Tại điểm 1.1 mục III Phần B Thông tư số 32/2007/TT-BTC thì đối tượng là các đơn vị, tổ chức kinh doanh, doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và đơn vị, tổ chức kinh doanh khác được áp dụng phương pháp khấu trừ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, trừ các đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên GTGT quy định tại Thông tư này.

Tại điểm 2.1.c, Mục III, Phần B Thông tư số 32/2007/TT-BTC đã quy định cơ sở kinh doanh mua bán vàng bạc, đá quý, ngoại tệ thì áp dụng phương pháp tính thuế GTGT trực tiếp trên GTGT.

Tại điểm 2.2.g, Mục III, Phần B Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 đã quy định: Đối tượng cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế khi có kinh doanh mua bán vàng bạc, đá quý, ngoại tệ thì áp dụng phương pháp trực tiếp trên GTGT.

Từ căn cứ trên thì Công ty K là doanh nghiệp thuộc đối tượng phải áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh bao gồm cả hoạt động gia công vàng (chỉ trừ hoạt động mua bán vàng bạc, đá quý, ngoại tệ theo điểm 2.1.c, Mục III, Thông tư số 32/2007/TT-BTC). Như vậy, CCT Quận M áp dụng phương pháp tính thuế GTGT đối với hoạt động gia công các sản phẩm bằng vàng của Công ty K theo phương pháp khấu trừ là đúng quy định của Luật thuế GTGT, Nghị định 158/2003/NĐ-CP và Thông tư số 32/2007/TT-BTC.

***Cục trưởng cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh có ông Lê Hữu C làm đại diện trình bày:***

Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất với ý kiến trình bày của Chi cục trưởng CCT Quận M, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 279/QĐ-CT ngày 24/12/2009. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Công ty K.

**Tại phiên tòa.**

*Ông Trần X trình bày:*

-CCT Quận M áp dụng sai phương pháp tính thuế, căn cứ Nghị định 158/2003/NĐ-CP để xử lý dẫn đến tính việc xử phạt doanh nghiệp không đúng pháp luật.

-Trang 11 Bản án hành chính phúc thẩm số 1493/2011/HC-PT xác định CCT Quận M yêu cầu Công ty K áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT là sai nên hủy án sơ thẩm.

-Cục thuế Thành phố có nhiều văn bản xin ý kiến Tổng cục thuế xác định về áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cho doanh nghiệp có kinh doanh chế tác vàng bạc, đá quý.

-Tổng cục Thuế có văn bản số 2668/TCT-CS “V/v chính sách thuế GTGT” ngày 14/7/2008 hướng dẫn Cục Thuế Hà Nội về các tính thuế doanh nghiệp kinh doanh có chế tác vàng, đã xác định: “hoạt động kinh doanh chế tác vàng bạc áp dụng khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp”.

-Trước khi có Luật Quản lý thuế thì tất cả các Luật thuế, trong đó có Luật Thuế GTGT đều có quy định “Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế” nhưng kể từ khi có Luật Quản lý thuế năm 2006 thì việc khai thuế không còn thực hiện theo Luật Thuế GTGT mà phải thực hiện theo Luật Quản lý thuế vì Luật này quy định “Bãi bỏ các quy định về quản lý thuế trong các luật, pháp lệnh về thuế và Luật Hải quan mà Luật này có quy định”.

Thông tư 60/2007/TT-BTC ngày 14/4/2007 về “Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế” của Bộ Tài chính (viết tắt là Thông tư 60/2007/TT-BTC) đã quy định:

Phần II. Khai thuế giá trị gia tăng, quy định:

*4. Khai thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng:*

*4.1. Hộ gia đình, cá nhân kinh doanh và người nộp thuế kinh doanh vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ lưu giữ được đầy đủ hoá đơn mua vào, hoá đơn bán ra để xác định được giá trị gia tăng thì áp dụng khai thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng.”*

Trong khi đó, Nghị định số 174/1999/NĐ-CP đã quy định: Hoạt động kinh doanh vàng là “*hoạt động sản xuất, gia công các sản phẩm bằng vàng; mua bán; xuất nhập khẩu vàng theo quy định*”.

-Thông tư 60/2007/TT-BTC 14/6/2007 được ban hành sau Thông tư 32/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 nên cần áp dụng Thông tư 60/2007/TT-BTC để giải quyết cho Công ty K.

Do vậy, hoạt động chế tác vàng, bạc, đá quý của Công ty K phải được tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

*Ông Đào Mộng L trình bày:*

-Nghị định 158/2003/NĐ-CP chỉ quy định áp dụng phương pháp trực tiếp đối với kinh doanh mua, bán vàng; riêng việc kinh doanh chế tác vàng phải tách riêng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

-Trang 11, Bản án hành chính phúc thẩm số 1493/2011/HC-PT của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có nội dung như ông X trình bày.

-Công văn số 3305/TCT-PC ngày 14/9/2011 “V/v chính sách thuế” của

Tổng cục Thuế trả lời: “*Trường hợp công ty K có hoạt động chế tác vàng bạc, đá quý thì công ty thực hiện đăng ký kê khai, tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đối với hoạt động này*”.

- Thông tư 60/2007/TT-BTC chỉ hướng dẫn thi hành thủ tục hành chính thuế, không hướng dẫn về nội dung chính sách thuế nên phải căn cứ Thông tư 32/2007/TT-BTC để giải quyết.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Công ty K khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2 ngày 03/9/2009 của Chi cục trưởng CCT Quận M, đây là việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” trong lĩnh vực thuế, do Công ty K có khiếu nại nên Cục trưởng cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 279/QĐ-CT ngày 24/12/2009 nên căn cứ quy định tại các điều 3, 30 và 32 Luật Tố tụng hành chính vụ án thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 03/9/2009, Chi cục trưởng CCT Quận M ban hành Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2, đến ngày 16/10/2009, Chi cục trưởng CCT Quận M ban hành Quyết định số 3902/QĐ-CCT-KT2 về việc điều chỉnh quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.

Ngày 19/10/2009, Chi cục trưởng CCT Quận M ban hành Quyết định số 3928/QĐ-CCT-KNNB về việc giải quyết khiếu nại, quyết định có nội dung không chấp nhận khiếu nại của Công ty K.

Ngày 24/12/2009, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 279/QĐ-CT.

Ngày 06/01/2010 Công ty K nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2.

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 1996, Khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 2006, đơn khởi kiện của Công ty K nộp trong thời hạn luật định.

[4]. Xét về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện.

Ngày 14/7/2009, CCT Quận M ban hành Quyết định số 2702/QĐ-CCT-KT2 “Về việc kiểm tra thuế tại Doanh nghiệp” đối với Công ty K. Nội dung kiểm tra: “Doanh thu hoạt động chế tác vàng nữ trang (Tài khoản 511, 111, 112, 131) và Thuế GTGT hoạt động chế tác vàng nữ trang (Tài khoản 133, 333)”, thời kỳ kiểm tra: Năm 2008.

Ngày 01/9/2009, Đoàn kiểm tra lập Biên bản kiểm tra “Kiểm tra thuế năm 2008”. Đến ngày 03/9/2009, Chi cục trưởng CCT Quận M ban hành Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2. Do có sai sót khi ban hành Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2 nên ngày 16/10/2009, Chi cục trưởng CCT Quận M ban hành Quyết định số 3902/QĐ-CCT-KT2 để sửa đổi một phần Điều 1 Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2.

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (được sửa đổi, bổ sung năm 2008), Luật Quản lý thuế năm 2006 và Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế (gọi tắt là Nghị định số 98/2007/NĐ-CP), nhận thấy thời hạn, thẩm quyền và trình tự ban hành Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2 và Quyết định số 3902/QĐ-CCT-KT2 là phù hợp pháp luật.

[6]. Xét về nội dung của quyết định hành chính bị khởi kiện.

[6.1]. Xét Biên bản kiểm tra “Kiểm tra thuế năm 2018” của CCT Quận M.

Người lập biên bản và nội dung kiểm tra đúng theo Quyết định số 2702/QĐ-CCT-KT2 ngày 14/7/2009 của CCT Quận M.

Biên bản lập công khai, đúng quy định, đảm bảo cho chủ thể bị kiểm tra trình bày quan điểm đối với nội dung kiểm tra.

[6.2]. Nội dung xử phạt Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2.

Tại Điều 1, Chi cục trưởng CCT Quận M đã quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty K như sau:

-Phạt 10% thuế GTGT khai sai: 31.462.677 đồng.

-Phạt chậm nộp thuế GTGT: 21.079.994 đồng

Tổng số tiền phạt (4254): 52.542.671 đồng.

Các biện pháp khắc phục hậu quả:

*Số tiền thuế truy thu:*

-Thuế GTGT (1701) năm 2008: 314.626.769 đồng

Tổng cộng số tiền thuế truy thu và phạt: 367.169.440 đồng.

Lý do: Đã có hành vi vi phạm pháp luật về thuế:

-Kê khai tính thuế hoạt động chế tác nữ trang không đúng quy định. Vi phạm Điều 9 Luật thuế GTGT.

Quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 về “Xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế”.

Tại Quyết định số 3902/QĐ-CCT-KT2 về việc điều chỉnh quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế nói trên, cụ thể sửa đổi Điều 1 Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2 từ “Quy tại khoản 3 Điều 8 của Nghị định 98/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007” thành “Quy tại Điều 13 của Nghị định 98/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007”.

Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung xử phạt tại các quyết định trên phù hợp với nội dung Biên bản kiểm tra “Kiểm tra thuế năm 2008”.

[6.3].Pháp luật quy định.

Điều 1 Luật Thuế GTGT năm 1997 quy định: *“Thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.”*

Điều 1 Luật Quản lý thuế năm 2006 quy định: *“Luật này quy định việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật.”*

Khoản 2 Điều 119 Luật Quản lý thuế năm 2006 quy định: *“Bãi bỏ các quy định về quản lý thuế trong các luật, pháp lệnh về thuế và Luật hải quan mà Luật này có quy định.”*

Tại thời điểm năm 2008 chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào xác định những nội dung cụ thể nào của Luật Thuế GTGT được thay thế, hủy bỏ bởi Luật Quản lý thuế.

Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2 xử phạt Công ty K về hành vi kê khai tính thuế hoạt động chế tác vàng nữ trang không đúng quy định, vi phạm Điều 9 Luật Thuế GTGT nên phải căn cứ Luật này và các văn bản hướng dẫn thi hành để đánh giá tính hợp pháp và tính có căn cứ của quyết định hành chính bị khởi kiện, trừ những trường hợp được quy định tại Điều 80 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996.



[6.4]. Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2.

-Điều 9 Luật Thuế GTGT năm 1997 quy định phương pháp tính thuế GTGT gồm: Phương pháp khấu trừ thuế GTGT và Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

Tại khoản 2 điều này còn quy định:

*“Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng chỉ áp dụng đối với các đối tượng sau:*

*a) Cá nhân sản xuất, kinh doanh và tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh ở Việt Nam không theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ các điều kiện về kế toán, hoá đơn, chứng từ để làm căn cứ tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế;*

*b) Cơ sở kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý.”*

-Điểm c khoản 1 điều 8 Nghị định số 158/2003/NĐ-CP quy định:

*“Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng chỉ áp dụng đối với các đối tượng sau:*

*-Cá nhân sản xuất, kinh doanh là người Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh ở Việt Nam không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ các điều kiện về kế toán, hoá đơn, chứng từ để làm căn cứ tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế.*

*-Cơ sở kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ thuộc đối tượng áp dụng tính thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng. Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý thì được tính và kê khai thuế phải nộp riêng đối với hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng.”*

-Tại điểm 2.1.c Mục III Phần B Thông tư số 32/2007/TT-BTC đã quy định cơ sở kinh doanh mua, bán vàng bạc, đá quý, ngoại tệ thì áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT

Công ty K là doanh nghiệp vừa có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, kim cương vừa có hoạt động chế tác vàng bạc, đá quý, đối chiếu các quy định trên thì Công ty K là doanh nghiệp thuộc đối tượng phải áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ trên GTGT đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh bao gồm cả hoạt động chế tác các sản phẩm vàng bạc, đá quý vàng (chỉ trừ hoạt động mua, bán vàng bạc, đá quý, ngoại tệ).

Như vậy, CCT Quận M tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đối với hoạt động chế tác các sản phẩm vàng bạc, đá quý vàng của Công ty K là đúng quy định của Luật thuế GTGT, Nghị định 158/2003/NĐ-CP và Thông tư số 32/2007/TT-BTC.

Công ty K đã vi phạm Điều 9 Luật thuế giá trị gia tăng nên việc xử phạt của Chi cục trưởng CCT Quận M là có căn cứ.

-Căn cứ Điều 6 và Điều 13 Nghị định 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007, Chi cục trưởng CCT Quận M đã xử lý phạt 10% thuế GTGT và phạt chậm nộp tiền thuế GTGT, truy thu thuế đối với Công ty K với tổng số tiền là 367.169.440 đồng do khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7].Xét lập luận của ông Trần X đại diện cho Công ty K.

Ông X yêu cầu áp dụng quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định số 174/1999/NĐ-CP: *"Hoạt động kinh doanh vàng là hoạt động sản xuất, gia công các sản phẩm bằng vàng; mua bán; xuất khẩu, nhập khẩu vàng theo quy định của pháp luật"* và quy định tại tiêu mục 4.1, Mục II, Phần B Thông tư 60/2007/TT-BTC: *"Hộ gia đình, cá nhân kinh doanh và người nộp thuế kinh doanh vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ lưu giữ được đầy đủ hoá đơn mua vào, hoá đơn bán ra để xác định được giá trị gia tăng thì áp dụng khai thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng"*, đồng thời Thông tư 60/2007/TT-BTC ban hành sau Thông tư 32/2007/TT-BTC nêu cần áp dụng Thông tư 60/2007/TT-BTC để làm căn cứ xác định hoạt động gia công (chế tác) sản phẩm vàng bạc, đá quý được tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

Lập luận này là không đúng vì:

-Điểm 2.1.c Mục III Phần B Thông tư số 32/2007/TT-BTC không quy định hoạt động chế tác vàng bạc, đá quý được tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT.

-Hơn nữa, tại điểm 2.1.c Mục III, Phần B, Thông tư 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 về *"Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng và hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng"* của Bộ Tài chính (có hiệu lực ngày 18/01/2009) quy định:

*"2.1. Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT áp dụng đối với các đối tượng sau đây:*

*c) Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.*

*Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý và hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc, đá quý thì phải hạch toán riêng được hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý để áp dụng theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.”*

Như vậy, Thông tư 129/2008/TT-BTC ban hành sau Thông tư 60/2007/TT-BTC vẫn chưa công nhận hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc, đá quý được tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT.

Các lập luận khác của ông Trần X cũng không có cơ sở để chấp nhận.

[8]. Công ty K không chứng minh được Quyết định số 3381/QĐ-CCT-KT2 (được sửa đổi bởi Quyết định 3902/QĐ-CCT-KT2) là trái pháp luật nên Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của Công ty K.

[9]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên chấp nhận.

[10] Về án phí hành chính sơ thẩm: Công ty K phải chịu số tiền án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:* Các điều 3, 32, 157, 165, 193, 194 và 206 Luật Tổ tụng hành chính; Pháp lệnh Thủ tục giải quyết vụ án hành chính năm 1996; Pháp lệnh sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 2006; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thuế Giá trị gia tăng năm 1997; Luật Quản lý Thuế năm 2006; Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 về “Hướng dẫn Luật thuế Giá trị gia tăng và Luật Thuế Giá trị gia tăng sửa đổi” của Chính phủ; Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 về “Xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế”; Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 về “Hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003, Nghị định số 148/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 và Nghị định số 156/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế Giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng”

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K có ông Trần X làm đại diện về việc yêu cầu Tòa án xử hủy Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế số 3381/QĐ-CCT-KT2 ngày 03/9/2009 của Chi cục trưởng Chi cục thuế Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2.** Về án phí hành chính sơ thẩm: Công ty TNHH K phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Công ty TNHH K đã nộp số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 008524 ngày 20/01/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nay được trừ vào tiền án phí. Công ty TNHH K đã nộp đủ án phí.

**3.** Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận M, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Bảo Nguyên**